

Name: .....

Class: .....

Date: .....

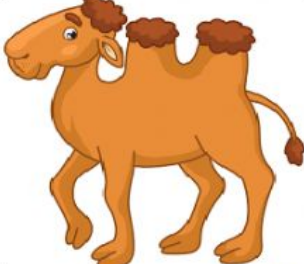
# UNIT TEST

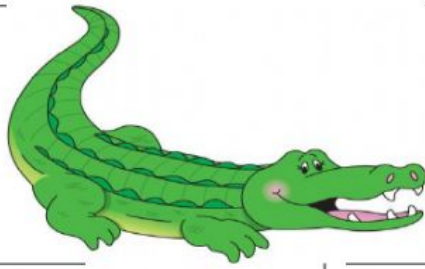
## Unit 5:

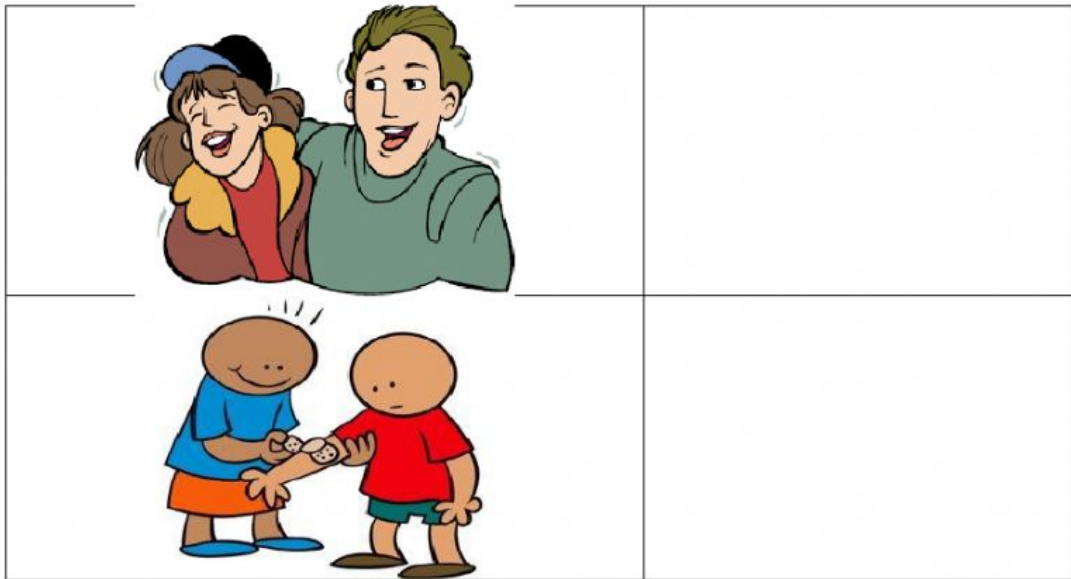
### A FUNNY MONKEY!

#### I. VOCABULARIES:

|                                                                                     |  |
|-------------------------------------------------------------------------------------|--|
|   |  |
|  |  |

|  |                                                                                     |  |  |
|--|-------------------------------------------------------------------------------------|--|--|
|  |    |  |  |
|  |    |  |  |
|  |   |  |  |
|  |  |  |  |





## II. GRAMMAR:

### 1. Translate these sentences into English:

a. Con cá sấu đang ngủ có phải không?

.....

b. Con khi đang ăn chuối có phải không?

.....

c. Những bạn học sinh đang đọc sách có phải không?

.....

d. Cô ấy đang chụp ảnh có phải không?

.....

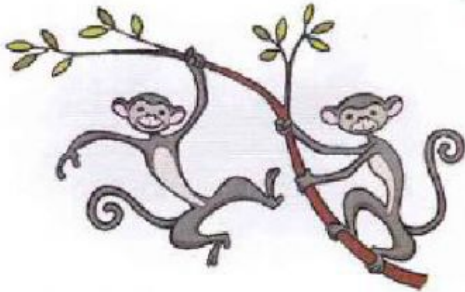
2. Look and write:

talk

run

sleep

swim



a. \_\_\_\_\_?

No, they aren't.



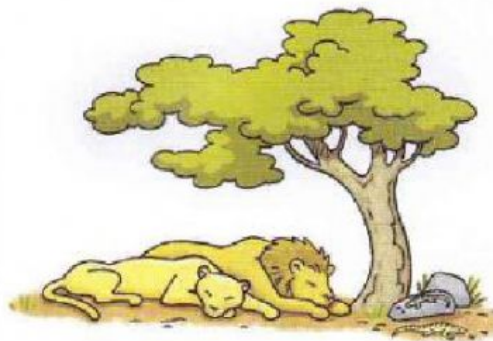
b. \_\_\_\_\_?

Yes, they are.



c. \_\_\_\_\_?

Yes, they are.



d. \_\_\_\_\_?

Yes, they are.